TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/HS-ST
Ngày 22 – 11 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoàng Nam

2. Ông Vũ Huy Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Lại Thế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 200/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Ngọc P, sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở trước khi bị bắt: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Mộng T và bà Hồ Thị S; bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 04 người con; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/10/2019, bị cáo P thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn huyện T, tỉnh Đồng Nai, sau đó P bỏ trốn đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và tiếp tục thực hiện hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Ngày 12/4/2022, bị cáo Phạm Ngọc P bị Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 61/2022/HSST.

Bị cáo đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số 188/2022/QĐ-CA ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh

Đồng Nai tại Trại giam X tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Ông Nguyễn Tuấn P1, sinh năm: 1995 (có mặt).
Địa chỉ: A ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: A ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người làm chứng:* Bà Đỗ Thị G, sinh năm: 1951 (vắng mặt)
Địa chỉ: E tổ A, ấp E, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Tuấn P1 và bị cáo Phạm Ngọc P có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Hằng ngày, ông P1 thường giao xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 59N2-101.59 cho bị cáo P đi đón bà Đỗ Thị G là người bị khuyết tật hành nghề bán vé số và đưa về nhà trọ của bà G tại địa chỉ A Ấp E, xã V, huyện B. Như thường lệ, vào khoảng 22 giờ ngày 18/12/2021, bị cáo P điều khiển xe chở anh P1 cùng bà G về nhà trọ. Khi đến nơi, ông P1 đi sang nhà của bà Phạm Thị Thúy H1 để lấy chìa khóa cửa phòng trọ của bà G. Lúc này, bị cáo P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông P1 nên nói với bà G là bị cáo P đi mua card điện thoại rồi điều khiển xe mô tô biển số 59N2-101.59 đi về Bình Thuận.

Ngày 19/12/2021, ông P1 trình báo Công an xã V lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Sau khi chiếm đoạt xe mô tô của ông P1 thì bị cáo P đi về thành phố P, tỉnh Bình Thuận để trốn tránh ông P1. Trên đường đi, bị cáo P mở cốp xe ra kiểm tra thì phát hiện bên trong có số tiền 3.000.000 đồng nên bị cáo P lấy tiền cất vào túi. Khi đến thành phố P, bị cáo P bán xe cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 7.500.000 đồng. Trong thời gian bỏ trốn, P đã tiêu xài hết số tiền 10.500.000 đồng.

Ngày 22/12/2021, bị cáo Phạm Ngọc P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và bị tạm giam về hành vi "Trộm cắp tài sản" do bị cáo P thực hiện xảy ra ngày 23/10/2019 trên địa bàn huyện T, tỉnh Đồng Nai và khai nhận hành vi phạm tội tại huyện B. Ngày 12/4/2022, Toà án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt Phạm Ngọc P 01 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 61/2022/HSST.

Kết luận định giá tài sản số 1366/CQĐT-CSHS ngày 22/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô biển số 59N2-101.59 trị giá 12.000.000 đồng.

Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, bị cáo Phạm Ngọc P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội chiếm đoạt xe mô tô và số tiền 3.000.000 đồng của ông P1 như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ: Không.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Tuấn P1 yêu cầu bị cáo Phạm Ngọc P bồi thường số tiền 21.000.000 đồng. Bị cáo P chưa bồi thường.

Cáo trạng số 169/CT-VKS ngày 19/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị tổng hợp hình phạt tù đối với bản án mà bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của pháp luật. Về dân sự: đề nghị ghi nhận bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền là 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng, không oan, sai; bị cáo rất ăn năn hối hận; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc P khai nhận: Ông Nguyễn Tuấn P1 và bị cáo Phạm Ngọc P có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Vào lúc 22 giờ ngày 18/12/2021, sau khi nhận được từ bị hại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 59N2-101.59, bị cáo P đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại ông Nguyễn Tuấn P1 để thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô trên và số tiền 3.000.000 đồng của ông P1. Sau khi chiếm đoạt xe mô tô của ông P1, bị cáo P điều khiển xe đi về thành phố P, tỉnh Bình Thuận bán xe cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 7.500.000 đồng. Trong thời gian bỏ trốn, P đã tiêu xài hết số tiền 10.500.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số

1366/CQĐT-CSHS ngày 22/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô biển số 59N2-101.59 trị giá 12.000.000 đồng. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng cùng vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hơn nữa, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Ngọc P phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Phạm Ngọc P bị Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 61/2022/HSST ngày 12/4/2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 24/2022/TB-TA ngày 09/5/2022, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2021. Hiện tại, bị cáo Phạm Ngọc P đang chấp hành hình phạt tù của bản án trên nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần lưu ý đến nhân thân của bị cáo mà có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo và áp dụng Điều 56, Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với Bản án số 61/2022/HSST ngày 12/4/2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 24/2022/TB-TA ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại Nguyễn Tuấn P1 số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) theo cách thức bồi thường ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét sự tự nguyện này của bị cáo là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận

theo quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc P phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc P 02 (hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 61/2022/HSST ngày 12/4/2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 24/2022/TB-TA ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai Bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc P phải bồi thường cho ông Nguyễn Tuấn P1 số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng), bồi thường ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh; (1)
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp TPHCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (2)
- Lưu hs; (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Việt